

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST  
Ngày 30-5-2024  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Công Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị Yến N, sinh năm 1988 – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P – Phòng G; Địa chỉ: 3 T, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Theo Giấy uỷ quyền số 02/2024/GUQ-PGDTHD ngày 18/3/2024 của Phó Giám đốc Chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch Trần Hưng Đ). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Vũ Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Ngày 27/7/2022, ông Trần Vũ Q có ký kết với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396, số tài khoản thẻ 9704030685. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất hai bên thỏa thuận là 33,2%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do ông **Trần Vũ Q** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 29/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 49.904.849 đồng. Từ sau ngày 29/3/2023 cho đến nay, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần yêu cầu ông **Trần Vũ Q** thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng các bên đã ký kết.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết, buộc bị đơn ông **Trần Vũ Q** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2024, tổng cộng là 69.785.629 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.904.849 đồng, nợ lãi là 19.880.780 đồng) và kể từ ngày 31/5/2024 cho đến khi trả hết nợ, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022 được ký kết giữa các bên.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày.

Bị đơn ông **Trần Vũ Q** vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Trần Vũ Q** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2024, tổng cộng là 69.785.629 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.904.849 đồng, nợ lãi là 19.880.780 đồng) và kể từ ngày 31/5/2024 cho đến khi trả hết nợ, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022 được ký kết giữa các bên. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:



[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** về Hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp Hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn ông **Trần Vũ Quốc cư t** tại **thành phố T, tỉnh Phú Yên** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông **Trần Vũ Q** để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022, số tài khoản thẻ 9704030685, giữa nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** và bị đơn ông **Trần Vũ Q** có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 27/7/2022, bị đơn ông **Trần Vũ Q** có ký kết với nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396, số tài khoản thẻ 9704030685. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận là 33,2%/năm, được tính theo Biểu phí lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng TMCP S**, các bên thỏa thuận: Chủ thẻ phải theo dõi và thực hiện các biện pháp cần thiết để dư nợ của mình không vượt quá hạn mức được phê duyệt vào bất cứ thời điểm nào. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt hạn mức.

[2.3] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bị đơn ông **Trần Vũ Q** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 29/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 49.904.849 đồng. Từ sau ngày 29/3/2023 cho đến nay, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2024), bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 69.785.629 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.904.849 đồng, nợ lãi là 19.880.780 đồng). Xét thấy, việc bị đơn không thanh toán nợ khi đến hạn cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** là có căn cứ nên chấp nhận. Bị đơn ông **Trần Vũ Q** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2024), tổng cộng là 69.785.629 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.904.849 đồng, nợ lãi là 19.880.780 đồng).

[2.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2024) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông **Trần Vũ Q** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Trần Vũ Q**.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Buộc bị đơn ông **Trần Vũ Q** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền vay còn nợ tính đến ngày 30/5/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022, tổng cộng là 69.785.629 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.904.849 đồng, nợ lãi là 19.880.780 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2024) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông **Trần Vũ Q** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, số Hợp đồng 2144396 ngày 27/7/2022 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Trần Vũ Q**.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông **Trần Vũ Q** phải chịu số tiền 3.489.281 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền 1.403.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012874 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**